

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2023/HS-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Thế Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Hoai và bà Trần Thị Phương
Tám

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Giao - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông
Nguyễn Duy Thuần - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2023/TLST-HS ngày 22 tháng
11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:
82/2023/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. A M, sinh ngày 09/7/1984, tại Campuchia; trú quán: ấp T, xã K, huyện
K, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia; tạm trú: khóm H, thị trấn Đ, huyện A,
tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Chài cá; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc:
Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Không xác định; đảng,
đoàn: Không; con ông và bà: Không xác định được; cha nuôi: Ta L, sinh năm
1954 và mẹ nuôi: Sa Roh, sinh năm 1955; đều trú tại: khu vực cầu M, phường
K, quận C, thành phố P, Vương quốc C; vợ là Ro N và có 05 con; tiền án: Có 01
tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 67/2021/HSST ngày 16/8/2021, Tòa án
nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội “Tiêu
thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 11/4/2022 bị cáo đã chấp hành
xong hình phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: tại bản án hình sự sơ thẩm số
15/2016/HSST ngày 22/02/2016, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt bị cáo
09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 10/8/2020 bị cáo đã chấp hành xong
hình phạt tù; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/3/2023 cho đến nay, hiện đang
tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

2. Ro Ni, sinh ngày 12/3/1986, tại Campuchia; trú quán: ấp T, xã K,
huyện K, tỉnh Kandal, Vương quốc Campuchia; tạm trú: khóm H, thị trấn Đ,
huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ;
dân tộc: Chăm; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Không xác định;

đảng, đoàn: Không; con ông M1 và bà Sáp T; chồng là A M và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Chị Trần Thị Thanh T1, sinh ngày 27/11/1986 và anh Huỳnh Ngọc N1, sinh ngày 1984; đều trú tại: ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang (chị T1 và anh N1 là vợ chồng, đều vắng mặt).

Người làm chứng gồm các ông/bà: Huỳnh Thị Kim M2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn H và Mu S (đều vắng mặt).

Người phiên dịch cho các bị cáo: Ông Su Ka R, Phó phòng chính sách Ban Dân tộc, Ủy ban nhân dân tỉnh A; địa chỉ: số H T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26/3/2023, A M (người không rõ quốc tịch) điều khiển vỏ lãi Composite, màu xanh, có gắn máy xăng hiệu HINOTA 18,5HP chạy dọc theo sông K theo hướng từ xã C về xã L, thị xã T, tỉnh An Giang để tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến đoạn sông thuộc khu vực ấp V, xã C, A M thấy chiếc sà lan của Trần Thị Thanh T1 và anh Huỳnh Ngọc N1 đang neo đậu, không người trông giữ nên điều khiển vỏ lãi cập vào sà lan, trèo lên cabin sà lan, sử dụng dây chì tại sà lan mở ổ khóa cửa vào buồng lái lấy trộm số tiền 75.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh rồi xuống vỏ lãi điều khiển về chiếc bè của vợ chồng A M sinh sống, neo đậu trên sông H, thuộc khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Tại đây, A M nói cho Ro N (là vợ của A M) biết tiền và điện thoại di động vừa lấy trộm được, kêu Ro Ni cất giữ. Sáng ngày 27/3/2023, A M và Ro N đi đến tiệm V1 tại thành phố C, tỉnh An Giang mua 09 chỉ vàng 24 kara (gồm 01 lắc tay, 01 dây chuyền và mặt dây chuyền) với giá 50.000.000 đồng, số tiền 25.000.000 đồng còn lại và điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax thì Ro Ni giữ lại để sử dụng. Ngày 27/03/2023, chị T1 phát hiện bị mất trộm tài sản nên đến Công an xã C trình báo.

Tang vật thu giữ gồm: 01 vỏ lãi Composite, có thân màu xanh, chiều dài 7,5m; 01 máy xăng hiệu HINOTA 18,5 HP, có thân máy màu cam nối với trục quay chân vịt có chiều dài 2,35m; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, có ốp lưng trong suốt bên ngoài; 01 sợi lắc tay kiểu nữ bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền kiểu nữ, bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền, có đính hột đá màu đỏ, bằng kim loại màu vàng; tiền Việt Nam đồng 26.000.000 đồng. Sau khi xác minh làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị Thanh T3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax; 01 sợi lắc

tay kiểu nữ bằng kim loại màu vàng; 01 sợi dây chuyền kiểu nữ, bằng kim loại màu vàng; 01 mặt dây chuyền, có đính hạt đá màu đỏ, bằng kim loại màu vàng và số tiền mặt 26.000.000 Việt Nam đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và bản ảnh đã lưu giữ phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Tại kết luận định giá tài sản số 502/KL-HĐĐG.TTHS ngày 20/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T, tỉnh An Giang, kết luận: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, đã qua sử dụng, giá trị 21.500.000 đồng; 01 ốp lưng bằng nhựa trong suốt, đã qua sử dụng, giá trị 30.000 đồng. Tổng giá trị 21.530.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Thanh T3 và Huỳnh Ngọc N1 xác nhận đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và giá trị tài sản tương đương với giá trị tài sản đã bị chiếm đoạt, nay chị T3 và anh N1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo A M và Ro N khai nhận phù hợp với nội dung vụ án đã nêu trên.

Trần Văn B1, Trần Văn V, S, Trương Thanh H1 Tại Cáo trạng số: 118/CT-VKSAG-P2 ngày 21/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố A M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố Ro Ni về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo A M và Ro N vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng quá trình điều tra đều khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Về hình phạt bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Còn về phần trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo A M từ 03 đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ro N từ 02 đến 03 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 01 vỏ lãi Composite và 01 máy xăng hiệu HINOTA đã thu giữ.

Các bị cáo A M và Ro N không có tranh luận và bào chữa gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hoàn trả lại cho chiếc vỏ lãi và máy xăng, vì đây là tài sản duy nhất của cả gia đình để chài cá sinh sống hàng ngày nuôi nhau. Nếu tịch thu tài sản này sẽ gây khó khăn đến cuộc sống mưu sinh của cả gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: - Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa các bị hại và người làm chứng đều vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 26/3/2023, tại sà lan của bị hại Trần Thị Thanh T1 và Huỳnh Ngọc N1 đang neo đậu ở đoạn sông thuộc khu vực ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang, bị cáo A M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 75.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh có ốp lưng bằng nhựa trong suốt trị giá 21.530.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 96.530.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo A M nói rõ cho vợ là bị cáo Ro N biết đó là tài sản do phạm tội mà có nhưng Ro N vẫn đồng ý cùng A M đi tiêu thụ tài sản.

Hành vi nêu trên của bị cáo A M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm (tội phạm nghiêm trọng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Ro N đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm (tội phạm ít nghiêm trọng).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an và an toàn cho xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, vai trò tham gia trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo A M và Ro N đều là người đã thành niên, bản thân có sức khỏe và có hiểu biết nhất định về pháp luật nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện để làm ăn chân chính và hướng thiện. Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là chiếm đoạt được tài sản.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo A M đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Ro N không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt để trả lại cho bị hại. Đối với bị cáo Ro N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, các bị cáo đều là người không có quốc tịch, không được học tập văn hóa, là người dân tộc ở nơi có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên có nhận thức hạn chế. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo A M là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án kết án về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, trong đó tiền án của tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Ro N trước khi phạm tội là người có nhân thân tốt, hiện là phụ nữ đang nuôi con nhỏ, trong vụ án cả hai vợ chồng đều bị điều tra, truy tố xét xử, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Xét thấy, nếu không bắt bị cáo phải chấp

hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương. Đây là cơ hội để bị cáo phấn đấu sửa chữa lỗi lầm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tại khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản, nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản bị chiếm đoạt và giá trị tài sản tương đương với giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nay không yêu cầu bồi thường gì khác, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết tiếp.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 vỏ lãi và 01 máy xăng đã thu giữ của bị cáo A M, đây là phương tiện bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về các vấn đề khác: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo A M phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Ro N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo A M 03 (Ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 31/3/2023).

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Ro N 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Ro N cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

(Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo).

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 01

vỏ lái Composite có thân màu xanh đã qua sử dụng và 01 máy xăng hiệu HINOTA 18.5 HP có thân máy màu cam nổi với trục quay chân vịt đã qua sử dụng đã thu giữ của bị cáo A M (Đặc điểm tang vật như Quyết định chuyển vật chứng ngày 21/11/2023).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo A M và Ro Ni mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án tỉnh An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang;
- UBND thị trấn Đa Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình

